

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **239/2022/HSPT**

Ngày: 23/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 17 và 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm đối với vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 11/2022/HSPT ngày 12/01/2022 đối với bị cáo Đặng Thị Minh L, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 201/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Thị Minh L, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nghề tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Đặng Văn C, sinh năm 1962 và bà Trần Thị X, sinh năm 1962; chồng là: Phạm Minh T, sinh năm 1984; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Phan Thiên V – Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N – Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Ngô Thị G, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Lê Thị Xuân T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị Minh L có quan hệ bạn bè, quen biết với các chị Lê Thị Xuân T, Ngô Thị G. Vào ngày 27/3/2021, L lên mạng xã hội Facebook thì thấy có trang mạng đăng quảng cáo làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do lúc này L làm ăn thua lỗ, nợ tiền nhiều nên đã nảy sinh ý định đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đem thế chấp chiếm đoạt tài sản. Sau đó, L liên lạc với đối tượng không rõ lai lịch địa chỉ theo tài khoản “Ngoc Mai 2703” có số điện thoại zalo 0345066760 đặt 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đứng tên của L số DA336536, thửa đất số 152, tờ bản đồ số 51, diện tích 295,5m², địa chỉ: tại xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai giá 1.200.000đ. Khoảng 03 đến 04 ngày sau thì L nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này do một người chuyển hàng làm thuê không rõ nhân thân, lai lịch chuyển đến.

Vào ngày 14/4/2021, L điện thoại cho chị G nói sẽ thế chấp giấy chứng nhận giả số DA 336536 để vay 45.000.000đ và hẹn 15/4/2021 sẽ trả cho chị G, chị G đồng ý và hẹn L đến nhà chị G ở ấp Đ, xã G, huyện T. Sau khi xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 336536, chị G tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật nên đã đồng ý nhận thế chấp và cho L vay 45.000.000đ và yêu cầu L viết giấy nhận nợ với số tiền là 65.000.000đ (trong đó, 20.000.000đ L đã vay chị G trước đó). Số tiền 45.000.000đ L đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 15/4/2021 chị G đòi tiền thì L đã nhờ một phụ nữ không rõ lai lịch giả làm mẹ của L, điện thoại cho G nói sẽ cho L tiền trả nợ và chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà L thế chấp cho chị G trước đó, đồng thời khất nợ đến ngày 19/4/2021 sẽ trả tiền cho chị G.

Đến ngày 16/4/2021, L liên lạc được với T nói dối chị T ngày 19/4/2021 mẹ L sẽ trả nợ cho chị T và tiếp tục nói với chị T là L đang cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị G làm cho chị T tin tưởng tiếp tục cho L mượn 10.000.000đ tại khu vực xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Số tiền này L tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 19/4/2021, chị G và chị T điện thoại cho L, đồng thời tới nơi ở của L tại phường A, thành phố B đòi tiền thì L nói dối là mẹ của L đang trên đường đến đưa tiền cho L trả nợ để chị G và chị T yên tâm đi về. Đến chiều cùng ngày, không thấy L trả tiền, điện thoại cho L thì L trốn tránh không trả nợ nên chị G và chị T nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA36536 mà L thế chấp là giấy tờ giả nên trình báo công an xã G. Công an xã G đã lập hồ sơ, tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA336536 đứng tên Đặng Thị Minh L; 01 điện thoại di động hiệu Vsmart gắn sim số 0799828654; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B8 – 735.05 của L. Sau đó bàn giao hồ sơ cùng vật chứng đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 1181/KLĐT – PC09 ngày 21/6/2021 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- + Hình dấu tròn Sở tại nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu vật cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai trên các tài liệu được nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- + Chữ ký mang tên Trần Hữu P trên tài liệu trên tài liệu ở phần cần giám định so với chữ ký mang tên Trần Hữu P trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DA 336536 là vật chứng trong vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vsmart gắn sim 0799828654 là công cụ phương tiện mà Đặng Thị Minh L sử dụng thực hiện hành vi phạm tội đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công.

Đối với xe mô tô biển số 60B8 – 735.05 có nguồn gốc hợp pháp, L không sử dụng phạm tội, cơ quan điều tra trả lại theo quy định.

Về dân sự: Quá trình điều tra, Lý đã trả lại cho chị Giang số tiền 45.000.000đ và trả lại cho chị Thanh số tiền 10.000.000đ. Chị Giang và chị Thanh không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Minh L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Đặng Thị Minh L 02 (hai) năm tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Minh L phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Xử phạt bị cáo Đặng Thị Minh L 06 (sáu) tháng tù.

3. Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đặng Thị Minh L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/11/2021, bị cáo Đặng Thị Minh L có Đơn kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi cha mẹ già yếu, có 04 con còn nhỏ (trong đó có 02 con dưới 36 tháng tuổi).

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Minh L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét lại hành vi “mượn nợ” số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của chị Lê Thị Xuân T không phải là hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Nếu được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại;

- Bị cáo Đặng Thị Minh L đề nghị chấp nhận kháng cáo và có ý kiến không thừa nhận có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” số tiền 10.000.000đ của chị Lê Thị Xuân T;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Minh L làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm;

- Đối với người bị hại Lê Thị Xuân T (có liên quan đến nội dung kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Minh L) đã được Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tuy không tham dự phiên tòa nhưng có “Đơn đình chính và xin giảm nhẹ hình phạt” ghi ngày 15/02/2022 (có xác nhận của chính quyền địa phương). Trên cơ sở quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị hại Lê Thị Xuân T.

[2] Xét nội dung Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Minh L, Hội đồng xét xử xác định:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo Đặng Thị Minh L và người bào chữa cho bị cáo thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã mô tả, không có ý kiến về tội danh mà Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử đối với bị cáo nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi ‘chiếm đoạt’ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đối với chị Lê Thị Xuân T không phải là hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vì giữa bị cáo và người bị hại là bạn bè, có quan hệ vay mượn nhiều lần, bị cáo không dùng “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” để vay mượn mà do chị Lê Thị Xuân T tin tưởng bị cáo có “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” đã “thế chấp” cho chị Ngô Thị G nên cho bị cáo “mượn tiền” (Tại phiên tòa sơ thẩm – BL176, bị cáo cũng có ý kiến cho rằng “không lừa bà T mà bị cáo chỉ vay mượn bà T số tiền 10.000.000đ);

- Bị hại Lê Thị Xuân T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có “Đơn đình chính và xin giảm nhẹ hình phạt” ghi ngày 15/02/2022 (có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 10/6/2022) trình bày: “Vào ngày 16/4/2021, tôi có cho chị Đặng Thị Minh L, sinh năm 1984, ngụ tại: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), không tính tiền lãi, khi nào cần tiền sẽ báo trước cho chị L hai ngày để chị L chuẩn bị tiền trả cho tôi. Việc tôi cho chị L vay tiền có sự chứng kiến của chị Ngô Thị G, sinh năm 1984, ngụ tại ấp Đ, xã G, huyện T, Đồng Nai. Đến ngày 19/4/2021, tôi và chị G phát hiện chị L dùng “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” để lừa vay của chị G số tiền 45.000.000đ, do lúc đó tức giận chị L nên khi làm việc với cơ quan điều tra tôi đã khai là do tin tưởng chị L cầm “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” nên mới cho vay thêm số tiền 10.000.000đ và chị L lúc đó nhận thức pháp luật còn hạn chế nên mới khai là khi vay tiền chị L có nói với tôi là cứ yên tâm cho chị L vay thêm 10.000.000đ vì đang cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỗ chị G và hứa đến ngày 19/4/2021 sẽ trả hết cho tôi và chị G”.

[2.2] Đối với ý kiến bị cáo Đặng Thị Minh L và người bào chữa cho bị cáo; nội dung “Đơn đình chính và xin giảm nhẹ hình phạt” ghi ngày 15/02/2022 (có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 10/6/2022)” (nêu trên), Hội đồng xét xử trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ xác định:

- Giữa bị cáo Đặng Thị Minh L và bị hại Lê Thị Xuân T có quan hệ quen biết với nhau từ tháng 3/2021 (do học nghề phun xăm cùng nhau và cũng chính chị T là người giới thiệu bị cáo cho chị Ngô Thị G trong việc mua bán đất) và thực tế chị Lê Thị Xuân T cũng đã cho bị cáo Đặng Thị Minh L vay mượn nhiều lần. Các lời khai của chị Lê Thị Xuân T tại Cơ quan điều tra thể hiện: “Vào khoảng tháng 3/2021, tôi học nghề cùng L nên quen biết L. Trong khoảng thời gian quen biết thì vào khoảng tháng 3/2021, L hỏi vay tôi số tiền 20.000.000đ để làm giấy chuyển nhượng đất của L ở Cẩm Mỹ và 02 ngày sau thì Lý trả lại tiền cho tôi. Đến đầu tháng 4/2021 thì L tiếp tục hỏi vay tôi số tiền 15.000.000đ. Lúc này tôi nói với Lý không có tiền thì L nhờ tôi đi vay giùm L nên tôi không bắt L viết giấy nhận nợ. Ngoài ra, ngày 16/4/2021 thì tôi có cho L vay số tiền 10.000.000đ và cũng không kêu L viết giấy nhận nợ. Tổng cộng Lý vay của tôi số tiền 25.000.000đ... Do tôi và L quen biết nhau nên tin tưởng cho L vay tiền, chứ L không thể chấp gì khi vay tiền của tôi của tôi và khi tôi cho L vay tiền thì tôi cũng không lấy tiền lời của L. Đến ngày 26/4/2021 thì chị L và anh Phạm Minh T đã cam kết sẽ trả nợ cho tôi một tháng 5.000.000đ vào ngày 15 hàng tháng cho đến nay khi hết nợ nên tôi không có ý kiến gì thêm...” (BL131-132);

- Đối với khoản tiền “chiếm đoạt” 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Đặng Thị Minh L có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì các lời khai của chị Lê Thị Xuân T tại Cơ quan điều tra (từ BL126 đến BL136) thể hiện:

“...Chiều ngày 16/4, cô L khóc gọi cho tụi em nói mượn giùm cho cô 10.000.000đ (mười triệu đồng) để trả cho người ta, không thôi giang hồ đến nhà đòi nợ nên tụi em thấy nó khóc tội nghiệp quá nên đi mượn cho cô L, tụi em kêu chạy qua đưa cho nhưng cô L không chịu đòi chạy qua, đi giữa đường gặp cô L rồi tụi em đứng lại đưa cho cô L sau đó tụi em đi về nhà, cô L hứa với tụi em là đúng trưa ngày 19/4 mẹ cô L sẽ chạy xuống rồi cô đưa cho tụi em...” (Bản tự khai vào ngày 20/4/2021 tại BL126);

“...Đến ngày 16/4/2021 thì L điện thoại cho tôi khóc hỏi vay tiền tôi và nói hiện tại L vay của một người đàn bà số tiền 20.000.000đ đến ngày trả mà L mới mượn được 10.000.000đ và hỏi vay tôi 10.000.000 đồng, đồng thời nói hiện nay người đàn bà cho L vay đã kêu giang hồ tời đòi nợ L. Tôi nghe vậy nói tôi không

có tiền cứ thử hỏi G xem sao. Đồng thời, tôi tới nhà G nói cho G biết sự việc, do thấy hoàn cảnh L như vậy nên tôi và G đi vay giùm L 10.000.000đ, đến khoảng 17 giờ chiều cùng ngày 16/4/2021 thì tôi và G cầm 10.000.000đ chạy qua tiệm của L, khi tới cây xăng A thì gặp L đang chạy xe qua chỗ tụi tôi nên tôi và G đưa 10.000.000đ cho L và có sự chứng kiến của em dâu tôi tên T và không có viết giấy tờ gì...” (BL127-128);

“...Đến ngày 16/4/2021, L tiếp tục điện thoại cho tôi và G khóc lóc hỏi vay 10.000.000đ để trả nợ nếu không thì chủ nợ sẽ kêu giang hồ tới tiệm tóc của L quậy phá. Thấy L đang thế chấp cho G một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là thật và có giá trị hơn số tiền tôi và G cho vay nên tôi đã đồng ý cho L vay 10.000.000đ. Sau đó, thấy L đang mang thai nên tôi và G cầm tiền đi qua tiệm tóc của L để đưa cho L vay nhưng khi tôi và G đi tới cây xăng thuộc xã A, huyện T thì gặp L đang đi qua chỗ tôi và G nên tôi đưa cho L vay 10.000.000đ, lúc đó L cam kết đến ngày 19/4/2021 khi mẹ của L cho L tiền thì sẽ trả hết cho tôi và Giang...” (BL133-134);

“...Đến ngày 16/4/2021 thì L có điện thoại cho tôi hỏi vay 10.000.000đ thì tôi trả lời là không có tiền, lúc này L nói với tôi vay tiền giùm L cũng được, đến ngày 19/4/2021 khi mẹ của L cho tiền sẽ trả cho tôi và còn nói đến ngày 19/4/2021 sẽ chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cầm cố cho em họ tôi tên Ngô Thị G trước đó về, đồng thời L nói với tôi hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp chỗ G lo gì, có gì cho L vay thì tới ngày 19/4/2021 sẽ trả hết cho tôi. Do tin tưởng nên tôi cho L vay 10.000.000đ. Sau đó, L đã chiếm đoạt số tiền này của tôi...Đến ngày 19/4/2021, do tới thời hạn trả nợ mà không thấy L trả nợ nên tôi và G đã điện thoại cho L đòi nợ, đồng thời tới tiệm tóc của L ở phường An Phước, TP.Biên Hòa để tìm Lý. Khi gặp thì L đưa ra thông tin là mẹ của L đang trên đường từ C xuống cho tiền để trả cho tôi và G, khi nào mẹ của L tới thì L sẽ cầm tiền cho tôi và G...” (BL135-136);

- Lời trình bày của chị Lê Thị Xuân T nêu trên phù hợp với lời trình bày của chị Ngô Thị G tại Cơ quan điều tra: “...Ngày 14/4/2021, khi tôi đang ở nhà thì chị T điện thoại cho tôi nói L đang cần vay 45.000.000đ và sẽ thế chấp 01 cuốn sổ đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi) để vay...Đến ngày 16/4/2021, L lại tìm đến tôi (Ngô Thị G) và chị T khóc lóc nói là nợ giang hồ 10.000.000đ không có tiền trả và nhờ tôi nói với chị T vay giùm. Trong ngày 16/4/2021 thì chị T đã đi vay giùm cho L 10.000.000đ, lúc đó L hẹn sẽ chạy qua nhà tôi để lấy tiền nhưng thấy L đang mang thai nên tôi và chị T sợ L đi xa nên đã qua tiệm tóc của L để đưa tiền, khi đến cây xăng xã A thì chị T và tôi gặp L và chị T đã đưa cho L vay

10.000.000đ, L hứa hôm sau sẽ trả...” (BL118-119);

Như vậy,

- Lời trình bày của chị Lê Thị Xuân T tại “Đơn đình chính và xin giảm nhẹ hình phạt” ghi ngày 15/02/2022 (có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 10/6/2022)” và lời khai tại Cơ quan điều tra (từ BL126 đến BL136) là có cơ sở để xem xét ý kiến của bị cáo Đặng Thị Minh Lý về việc có hay không có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của chị Lê Thị Xuân T như bản án sơ thẩm đã kết luận;

- Việc án sơ thẩm nhận định “...L đưa ra thông tin gian dối sẽ được cho tiền để trả cho chị T vào ngày 19/4/2021 và nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho chị G làm chị T tin tưởng giao 10.000.000đ và L đã chiếm đoạt số tiền này” là chưa đầy đủ vì thực tế như trên đã phân tích: bị cáo và bị hại Lê Thị Xuân T có quan hệ quen biết, vay mượn nhiều lần; chính bị hại T là người giới thiệu cho bị hại Ngô Thị G trong việc “mua bán đất”; chị T cũng biết L có thể chấp “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” cho chị G; chính lời khai của bị hại Lê Thị Xuân T và bị hại Ngô Thị G (nêu trên) thể hiện việc bị hại Lê Thị Xuân T cho bị cáo Đặng Thị Minh L “vay mượn” số tiền 10.000.000đ là xuất phát từ việc bị hại T cảm thông hoàn cảnh của L, biết việc L có thể chấp “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho G”, tin tưởng L có thể trả nợ cho mình mà cho bị cáo L vay mượn số tiền 10.000.000đ (không buộc làm giấy nợ) hay nói cách khác trong lần chiếm đoạt này, bị cáo L không có hành vi “sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” để thế chấp, cầm cố; còn việc bị cáo Đặng Thị Minh L khai nại ra việc có mẹ cho tiền hay người điện thoại giả mẹ L là nhằm mục đích kéo dài việc trả nợ cho chị Ngô Thị G;

[2.3] Đối với hành vi “Sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” trong việc chiếm đoạt số tiền 45.000.000đ của bị hại Ngô Thị G:

Trên cơ sở lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, cũng như lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra (BL82-112) và lời khai các bị hại Lê Thị Xuân T (BL126-136), bị hại Ngô Thị G (BL113-125), Hội đồng xét xử xác định:

- Vào khoảng tháng 3/2021, chị Lê Thị Xuân T tới tiệm tóc của bị cáo ở phường A để cùng học phun xăm môi do một người phụ nữ tên V đến tiệm để dạy... Trong thời gian này, bị cáo được chị T cho vay 15.000.000đ để làm ăn, vì quen biết nhau nên chị T không bắt viết giấy nợ và cũng không nói thời gian trả. Trong thời gian này do làm ăn thua lỗ nên bị cáo nói dối T là mới bán đất ở Cẩm Mỹ được 1,2 tỷ nhưng chưa lấy được tiền để chị T yên tâm, đồng thời lúc này, bị

cáo cũng đang nợ tiền chị V không có khả năng chi trả nên bị cáo nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đem đi thế chấp lấy tiền trả nợ và làm ăn nên ngày 27/3/2021, bị cáo lên mạng xã hội Facebook có nickname Ngọc Mai 2703 đăng làm giả các loại giấy tờ thì bị cáo liên hệ được nickname này hướng dẫn kết bạn với số Zalo0345066760. Sau khi trao đổi, bị cáo đồng ý đặt làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 1.200.000đ (sau đó bị cáo cắt tại tiệm tóc của bị cáo)...Đến ngày 12/4/2021, bị cáo hỏi chị T có biết căn nhà nào rẻ không để mua thì chị T giới thiệu bị cáo với Ngô Thị G là chị họ của T để chị G đưa đi xem nhà. Sau đó, chị G dẫn bị cáo đi xem 01 căn nhà ở xã B thấy giá cả hợp lý nên bị cáo muốn đặt cọc để rao bán lại căn nhà kiếm lời nhưng không có tiền nên chị G nói sẽ cho bị cáo mượn 20.000.000đ để đặt cọc căn nhà và hứa với chị G 01 đến 02 ngày sẽ trả lại cho chị G, cộng với việc bị cáo bị V gây áp lực phải trả nợ nên bị cáo nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp cho chị G và chị T để vay tiền nên bị cáo đã nói với chị T có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo để vay 45.000.000đ nhưng chị T nói không có tiền và nói bị cáo liên hệ với chị G để thế chấp, Sau đó, bị cáo đã điện thoại cho chị G nói rõ muốn thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo để vay 45.000.000đ thì chị G hẹn bị cáo đến nhà chị G tại ấp Đ, xã G, huyện T. Sau đó, bị cáo và chị T tới nhà chị G thì bị cáo đưa cho chị G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ số 51, thửa 152, xã L, huyện C, Đồng Nai mang tên Đặng thị Minh L để thế chấp vay 45.000.000đ. Lúc này, chị G đã không nghi ngờ nên đưa cho bị cáo vay 45.000.000đ và yêu cầu bị cáo viết giấy nhận nợ số tiền 65.000.000đ (trong đó mượn để đặt cọc đất ngày 12/4/2021 là 20.000.000đ...

- Xuất phát từ việc làm ăn thua lỗ và nợ nần nên bị cáo Đặng Thị Minh L đã có hành vi cung cấp thông tin để người trên” Facebook có nickname Ngọc Mai2703 đăng làm giả các loại giấy tờ thì bị cáo liên hệ được nickname này hướng dẫn kết bạn với số Zalo0345066760” làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Đặng Thị Minh L đổi thửa đất tại tờ bản đồ số 51, thửa 152, xã L, huyện C, Đồng Nai (thông tin bị cáo lấy trên mạng và cơ quan điều tra cũng đã xác minh bị cáo không phải là chủ sở hữu đối với thửa đất nêu trên và Kết luận giám định số 1181/KLGD-PCO(ngày 22/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự cũng kết luận “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Thị Kim L nêu trên là giả”. Qua hành vi nêu trên cho thấy, bị cáo Đặng Thị Minh L không có hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” (bị cáo chỉ cung cấp thông tin cho người khác làm giả) và thực tế Kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát Công an huyện Trảng Bom, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân nhân dân và Bản án sơ

thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom không có kết luận, truy tố, xét xử bị cáo Đặng Thị Minh L về tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức” là có cơ sở;

- Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên và được bị hại Ngô Thị G cho bị cáo vay số tiền 20.000.000đ, bị cáo do cần tiền nên có hành vi ‘sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả’ (nêu trên) để bị hại Ngô Thị G tưởng thật bị cáo đang sở hữu “thửa đất tại tờ bản đồ số 51, thửa 152, xã L, huyện C, Đồng Nai” để cho bị cáo ‘vay mượn tiếp’ số tiền 45.000.000đ và thực tế bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này. Theo hướng dẫn tại Công văn số 50/TANDTC-PC ngày 07/4/2020 của Tòa án nhân dân tối cao: “Hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (như sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả...) để chuyển nhượng, mua bán, thế chấp, cầm cố...nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là dấu hiệu đặc trưng trong mặt khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đây cũng là hành vi khách quan của của tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại mục 2 Công văn 233/TAND-TC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp người thực hiện hành vi nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự của tội nặng hơn. Do đó, người có hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu của cơ quan hoặc tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì bị xử lý hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điều 174 BLHS. Cũng cần lưu ý rằng trường hợp này khác với trường hợp làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ, tài liệu đó để lừa đảo chiếm đoạt tài sản...”; (trong vụ việc nêu trên, bị cáo Đặng Thị Minh Lý đã có hành vi “sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” để tạo niềm tin, làm cho bị hại G tưởng thật nên cho bị cáo ‘vay mượn’ số tiền 45.000.000đ và theo kết luận của cơ quan điều tra thì bị cáo không thuộc trường hợp làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tài sản);

- Tại Biên bản làm việc vào ngày 26/4/2021 (BL139), bị hại G xác định: “...vì tin tưởng chị Đặng Thị Minh L là bạn học chung nghề phun sấm môi với chị họ Lê Thị Xuân T nên khi thấy L khó khăn, thế chấp cho tôi 01 cuốn sổ đất giả tại huyện C để vay tiền xử lý công nợ và đặt cọc đất nên tôi và chị T đã cho chị L vay số tiền 90.000.000đ tại nhà của tôi tại xã G. Nay sự việc xảy ra thì chồng chị L là anh Phạm Minh T đứng ra giải quyết vấn đề dân sự và trả lại tiền cho tôi và T, vì hoàn cảnh anh T khó khăn đang nuôi 03 con nhỏ và nuôi vợ đang có bầu hơn 08 tháng nên tôi thống nhất nhận 45.000.000đ tiền anh Tâm trả thay cho chị L trước, còn lại 45.00.000đ thì vào ngày 15 hàng tháng sẽ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Agribank chi nhánh T của tôi theo số 5905205428406 với số

tiền 5.000.000đ cho đến khi trả hết nợ” và theo tinh thần Biên bản làm việc này thì ý kiến anh T, chị T thống nhất với ý kiến chị G và anh T nhất trí giao số tiền 45.000.000đ cho chị G quản lý, sử dụng (hay nói cách khác, sau khi sự việc xảy ra thì giữa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận với nhau về việc khắc phục hậu quả trước khi Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trảng Bom có Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can vào ngày 21/6/2021);

Do đó, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Thị Minh L trong việc chiếm đoạt số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) cần làm rõ có hay không có dấu hiệu phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điều 314 Bộ luật hình sự trong việc thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự như bản án sơ thẩm đã quy kết.

Từ những phân tích nêu trên,

- Hội đồng xét xử xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ làm rõ hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Đặng Thị Minh L trong vụ án (đặc biệt đối với khoản tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của bị hại Lê Thị Xuân T) và hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điều 314 Bộ luật hình sự trong việc thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự như bản án sơ thẩm đã quy kết.

- Do bản án sơ thẩm bị hủy để điều tra lại nên nội dung kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Minh L sẽ được cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý lại vụ án.

[3] Về án phí: Bị cáo Đặng Thị Minh L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Án phí hình sự sơ thẩm sẽ được cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý lại vụ án.

[4] Đối với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và của bị cáo Đặng Thị Minh L đã được Hội đồng xét xử thể hiện như trên đã phân tích./

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 201/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom điều tra lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Đặng Thị Minh L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân H.Trảng Bom;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Trảng Bom;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Trảng Bom;
- Công an H.Trảng Bom;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Nhà tạm giữ CA.TB (2);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Đông